

Số: *997*/QĐ-UBND

*Kon Tum, ngày 19 tháng 9 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết  
Cụm công nghiệp Đăk La, huyện Đăk Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 47/TTr-BQLKKT ngày 23 tháng 8 năm 2018, ý kiến của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1064/SXD-QLQH ngày 12 tháng 9 năm 2018 (*kèm theo Biên bản họp liên ngành ngày 21 tháng 8 năm 2018*),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum với các nội dung như sau:

1. Các loại đất được điều chỉnh cục bộ thành:
  - Nhóm sản xuất, chế biến nông lâm sản (*có ký hiệu C1-C13, D1-D10*).
  - Nhóm chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng (*có ký hiệu A1-A6*).
  - Nhóm các loại hình công nghiệp khác: Gia công cơ khí, mộc dân dụng... (*có ký hiệu B1-B4*).
  - Trung tâm điều hành, đào tạo, văn phòng đại diện, dịch vụ, giới thiệu sản phẩm (*có ký hiệu T*).
  - Bãi đỗ xe (*có ký hiệu P/S*).

2. Chỉ tiêu về sử dụng đất: Có Phụ lục và bản vẽ quy hoạch sử dụng đất kèm theo.

3. Các nội dung khác của Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Đăk La thực hiện theo Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Ban quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm

1. Tổ chức công bố, công khai các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch trên theo quy định.

2. Quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Đăk La theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Giám đốc: Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh mật độ xây dựng một số lô đất thuộc Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (CVP, PCVP<sub>HTKT</sub>);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, HTKT4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Tháp**







**PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT  
CỤC CÔNG NGHIỆP ĐẮK BLA, HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

(Kèm theo Quyết định số 097/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Theo quy hoạch được phê duyệt					Sau khi điều chỉnh quy hoạch				
	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)
1	Nhóm chế biến nông - thổ sản và các loại hình công nghiệp khác	A1-A4	60.539	50	1-2	Nhóm sản xuất, chế biến nông lâm sản	C1-C13	199.003	50	1-2
	Nhóm công nghiệp nhẹ, cơ khí sửa chữa, lắp ráp, tiểu thủ công nghiệp	C1-C9	138.464							
	Nhóm công nghiệp ít ô nhiễm	B2-B4	53.606							
	Nhóm VLXD, chế biến lâm sản	D1-D3	42.376							
	Nhóm công nghiệp khác	E	16.776							
	Đất khu trung tâm	T1-T3	54.073	50	1-3					
2	Nhóm chế biến nông - thổ sản và các loại hình công nghiệp khác	A5	195.251	50	1-2	Nhóm chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng	A1-A6	195.251	50	1-2
3	Nhóm công nghiệp ít ô nhiễm	B5-B8	45.615	50	1-2	Nhóm các loại hình công nghiệp khác (gia công cơ khí, mộc dân dụng...)	B1-B4	45.615	50	1-2
4	Đất xây dựng trung tâm kho vận; Bãi đỗ xe	P; P/S	20.377	10	1-2	Trung tâm điều hành, đào tạo, văn phòng đại diện, dịch vụ, giới thiệu sản phẩm	T	20.377	50	1-3
5	Nhóm công nghiệp ít ô nhiễm	B1	13.008	50	1-2	Bãi đỗ xe	P/S	13.008	10	1-2

A

